

ỦY BAN NHÂN DÂN TP CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP
(hệ tốt nghiệp THCS)

Ngành: NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
(Mã ngành: 5620303)

NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 316/QĐ - KTKT ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: Nuôi trồng thủy sản

Mã ngành: 5620303

Trình độ đào tạo: Trung cấp đối với hệ tốt nghiệp THCS

Hình thức đào tạo: (Chính quy / Vừa làm vừa học).

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình trung cấp nghề ngành Nuôi trồng thủy sản được thiết kế để đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật có trình độ trung cấp nghề làm việc trong ngành nuôi trồng thủy sản, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe, có đủ kiến thức và kỹ năng để tìm việc làm.

Người học sau khi tốt nghiệp cao đẳng ngành nuôi trồng thủy sản có khả năng đảm nhận các vị trí việc làm tại các trại sản xuất giống, các công ty hay các trang trại nuôi thủy sản, các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực thủy sản hay tự tạo lập và vận hành trại giống, hệ thống nuôi trồng thủy sản riêng cho bản thân và gia đình.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cần thiết về xây dựng công trình và các thiết bị sản xuất giống và nuôi thủy sản;
- Mô tả được phương pháp xác định một số chỉ tiêu môi trường nước; phân tích, đánh giá được biện pháp quản lý một số yếu tố môi trường trong ao nuôi thủy sản;
- Trình bày được các đặc điểm dinh dưỡng của động vật thủy sản; vai trò của các loại enzyme trong ống tiêu hóa của cá; các chỉ tiêu cơ bản trong dinh dưỡng và thức ăn thủy sản;
- Mô tả được đặc điểm sinh học của một số loài thủy sản nước ngọt, lợi nhuận có giá trị kinh tế; nêu vai trò, đặc điểm nhận dạng một số thủy sản;
- Trình bày được quy trình công nghệ sản xuất và nuôi thương phẩm một số đối tượng nước ngọt, lợi nhuận có giá trị kinh tế;
- Trình bày được quy trình công nghệ sản xuất và nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy đặc sản có giá trị kinh tế;

- Trình bày được biện pháp phòng bệnh tổng hợp, phương pháp chẩn đoán, trị một số bệnh thường gặp ở động vật thủy sản;
- Trình bày được các nguyên tắc về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ nơi làm việc; Các biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động trong nuôi trồng thủy sản;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng:

- Vận hành, bảo trì một số một số công trình xây dựng, thiết bị và dụng cụ sử dụng trong trại giống và vùng nuôi các đối tượng thủy sản;
- Xác định và quản lý được một số yếu tố môi trường trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt;
- Theo dõi được hiệu quả sử dụng thức ăn của động vật thủy sản; nhu cầu các chất dinh dưỡng của động vật thủy sản; thiết lập được khẩu phần theo nhu cầu đạm của động vật thủy sản;
- Nhận dạng được một số loài động vật thủy sản nuôi, một số thủy sinh vật trong thủy vực nước ngọt, lợi mặn;
- Thực hiện được quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng nước ngọt, lợi mặn có giá trị kinh tế;
- Thực hiện được quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy đặc sản có giá trị kinh tế;
- Áp dụng được biện pháp phòng bệnh tổng hợp; chẩn đoán và trị được một số bệnh thường gặp ở động vật thủy sản;
- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động trong nuôi trồng thủy sản;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng tự chủ thực hiện sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản;
- Chịu trách nhiệm với xã hội về sản phẩm đảm bảo an toàn và vệ sinh thực phẩm;
- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Sử dụng vật tư trong nuôi trồng thủy sản theo quy định hiện hành và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Sẵn sàng tiếp nhận cái mới, đề xuất ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quy trình công nghệ mới để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc được giao;
- Có ý thức bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh;
- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các biện pháp bảo hộ, an toàn lao động và giữ vệ sinh chung nơi làm việc.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt;
- Sản xuất giống và nuôi cá biển;
- Sản xuất giống và nuôi tôm càng xanh, tôm sú, thẻ chân trắng;
- Kinh doanh thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh thuốc thú y thủy sản.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 23
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 55 TC (không kể môn học Công tác xã hội 01 tín chỉ và các môn học văn hóa)
 - Khối lượng các môn học văn hóa: 1.020 giờ
 - Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ (12 TC)
 - Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.110 giờ (43 TC)
 - Khối lượng lý thuyết: 469 giờ
 - Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 896 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập/thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Các môn văn hóa		1020	729	259	32
<i>Nhóm 2: các ngành thuộc các lĩnh vực: Nông – Lâm – Ngư nghiệp</i>						
TOB207	Toán 1		120	74	40	6
VLB109	Vật lý 1		30	19	8	3
HHB106	Hóa học 1		60	43	15	2
SVB107	Sinh vật 1		45	35	7	3
NVB108	Ngữ văn 1		75	61	8	6

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
TOB303	Toán 2		120	74	40	6
VLB209	Vật lý 2		30	19	8	3
HHB301	Hóa học 2		75	52	20	3
SVB206	Sinh vật 2		45	38	4	3
NVB208	Ngữ văn 2		90	74	8	8
TOB402	Toán 3		120	74	40	6
VLB304	Vật lý 3		30	19	8	3
HHB401	Hóa học 3		60	42	15	3
SVB403	Sinh vật 3		45	30	12	3
NVB302	Ngữ văn 3		75	65	6	4
II	Các môn học chung	12	255	94	148	13
TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
TMC302	Pháp luật	1	15	9	5	1
TMC406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
TMC305	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
TMC201	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
TXH301	Công tác xã hội	1	45		45	
III	Các môn học chuyên môn	43	1.110	331	748	31
III.1	Môn học cơ sở	7	120	83	30	7
TNT101	Ngư loại	3	60	27	30	3
TNT304	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
TNT301	Công trình và thiết bị trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
III.2	Môn học chuyên môn	29	735	220	493	22
TNT305	Thức ăn trong NTTS	2	30	28		2
TNT303	Kỹ thuật sản xuất giống giáp xác	2	30	28		2
TNT401	Kỹ thuật nuôi giáp xác	2	30	28		2
TNT308	Thực hành cơ sở ngành và chuyên ngành	2	60		58	2
TNT510	Kỹ thuật nuôi thủy đặc sản	3	60	27	30	3
TNT505	Kỹ thuật nuôi cá biển	2	30	28		2
TNT402	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	3	60	27	30	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
TNT504	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	3	60	27	30	3
TNT502	Bệnh học thủy sản	3	60	27	30	3
TNT404	Thực tập doanh nghiệp 1	5	225	0	225	0
TNT506	Thực tập doanh nghiệp 2	2	90	0	90	0
III.3	Môn học tự chọn	2	30	28		2
TNT501	An toàn lao động	2	30	28		2
TNT201	Bảo quản thủy sản sau thu hoạch	2	30	28		2
III.4	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
	Tổng cộng	55	1.365	425	896	44

Cần Thơ, ngày tháng năm 202...

HIỆU TRƯỞNG